TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 629D/4, ấp L Th A, xã L H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thái H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 110/2B, Th Ng H, khóm 4, phường M L, thành phố L X, tỉnh An giang.

(Bà Ph có đơn xin vắng mặt; ông H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/4/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ph trình bày:

Bà Ph và ông H kết hôn ngày 22/10/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó

thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Bà Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không đạt được mục đích nên bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thái H. Cụ thể:

Về con chung: Bà Ph và ông H có 01 (một) con chung tên Đỗ Minh Tr, sinh năm 2008 hiện đang sống chung với chị Ph. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn Đỗ Thái H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông H; bị đơn có địa chỉ số 110/2B, Th Ng H, khóm 4, phường M L, thành phố L X, tỉnh An giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân và gia đình:

Hôn nhân giữa bà Ph và ông H trên cơ sở tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thời gian ly thân từ năm 2012 đến nay cả hai không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H không tham gia trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn điều này cho thấy mặc nhiên ông từ bỏ quyền của

mình; bên cạnh đó có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phượng là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Bà Ph và ông H có 01 (một) con chung tên Đỗ Minh Tr, sinh năm 2008 hiện đang sống chung với chị Ph. Sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh Tr. Xét thấy, thời gian qua cháu Tr được bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định đời sống cho cháu Tr, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Ph xác định không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của bà Ph không nợ chung ai, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có căn cứ cho rằng nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Ph và ông H phải chịu trách nhiệm liên đới với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí:

Bà Ph có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ph đối với ông Đỗ Thái H:

+ Về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Đỗ Thái H.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn giao con chung cháu Đỗ Minh Tr, sinh ngày 25/5/2008 do bà Trần Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Ph không có yêu cầu.

Bà Ph phải tạo điều kiện cho ông H trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002990 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo:

+ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hiệp Phong